

Số: /QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho 84 trường hợp đã ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 13 đến đợt 25) thuộc dự án Khu Tái định cư Tây Bắc đường AIII, Phường 12, thành phố Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể cho UBND cấp huyện theo Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06/5/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4342A/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của UBND thành phố Vũng Tàu về việc thành lập Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể trên địa bàn thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-HĐTĐGDCT ngày 15/4/2024 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thành phố Vũng Tàu về việc ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thành phố Vũng Tàu;

Xét Tờ trình số 3179/TTr-TNMT ngày 21/6/2024 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thẩm định phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho 84 trường hợp đã ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 13 đến đợt 25) thuộc dự án Khu Tái định cư Tây Bắc đường AIII, Phường 12, thành phố Vũng Tàu.

Theo Văn bản số 3315/HĐTĐGDCT ngày 09/7/2024 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể thành phố Vũng Tàu về việc kết quả thẩm định Phương án giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho 84 trường hợp đã ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 13 đến đợt 25) thuộc dự án Khu Tái định cư Tây Bắc đường AIII, Phường 12, thành phố Vũng Tàu.

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3804/TTr-TNMT ngày 19 tháng 7 năm 2024;

Căn cứ Thông báo số /TB-UBND /7/2024 của UBND thành phố Vũng Tàu về kết quả lấy ý kiến của thành viên UBND thành phố Vũng Tàu đối với dự thảo Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho 84 trường hợp đã ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 13 đến đợt 25) thuộc dự án Khu Tái định cư Tây Bắc đường AIII, Phường 12, thành phố Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt giá đất cụ thể để tính bồi thường bổ sung cho 84 trường hợp đã ban hành Quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 13 đến đợt 25) thuộc dự án Khu Tái định cư Tây Bắc đường AIII, Phường 12, thành phố Vũng Tàu, cụ thể như sau:

TT	Hạng mục	Giá đất UBND Tỉnh (đồng/m²)	Giá đất cụ thể (đồng/m²)	Hệ số điều chỉnh (xác định giá đất cụ thể)
A	ĐẤT Ở:			
I	Giá đất ở xác định theo đường 30 tháng 4 (Ngã 4 Giếng nước đến Ụo Ông Từ (đoạn qua Phường 12) (đường loại 2)			
1	Thời điểm định giá đất tháng 01/2020 và tháng 03/2020			
1.1	Đường loại 2 – Vị trí 5	5.910.000	10.820.000	1,8307

II	Giá đất ở xác định theo đường Đô Lương, Hẻm 58 Nguyễn Gia Thiều (đường loại 4)			
1	Thời điểm định giá đất tháng 01/2020 và tháng 03/2020			
1.1	Đường loại 4 – Vị trí 2	7.670.000	14.697.000	1,9161
III	Giá đất ở xác định theo đường Hẻm 58 Nguyễn Gia Thiều (đường loại 4)			
1	Thời điểm định giá đất tháng 06/2018, tháng 8/2018 và tháng 12/2018			
1.1	Đường loại 4 - Vị trí 1	5.351.000	14.307.000	2,6736
1.2	Đường loại 4 - Vị trí 2	3.478.000	9.299.000	2,6736
1.3	Đường loại 4 - Vị trí 5	1.468.000	3.837.000	2,6136
2	Thời điểm định giá đất tháng 8/2017, tháng 10/2017 và tháng 12/2017			
2.1	Đường loại 4 - Vị trí 1	5.351.000	12.263.000	2,2918
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP (ĐẤT CÂY LÂU NĂM, CÂY HÀNG NĂM):			
I	Giá đất nông nghiệp xác định theo đường 30 tháng 4 (Ngã 4 Giếng nước đến Eo Ông Từ (đoạn qua Phường 12) (đường loại 2)			
1	Thời điểm định giá đất tháng 01/2020 và tháng 03/2020			
1.1	Đường loại 2 – Vị trí 5	180.000	3.214.000	17,8547
2	Thời điểm định giá đất tháng 7/2019 và tháng 08/2019			
2.1	Đường loại 2 – Vị trí 5	158.000	3.052.000	19,3144
3	Thời điểm định giá đất tháng 06/2018, tháng 8/2018 và tháng 12/2018			
3.1	Đường loại 2 – Vị trí 5	158.000	2.636.000	16,6837
4	Thời điểm định giá đất tháng 8/2017, tháng 10/2017 và tháng 12/2017:			
4.1	Đường loại 2 – Vị trí 5	158.000	1.952.000	12,3575
II	Giá đất nông nghiệp xác định theo đường Đô Lương, Hẻm 58 Nguyễn Gia Thiều (đường loại 4)			
1	Thời điểm định giá đất tháng 01/2020 và tháng 03/2020			
1.1	Đường loại 4 – Vị trí 2	270.000	4.500.000	16,6675
1.1	Đường loại 4 – Vị trí 3	240.000	3.690.000	15,3758
1.1	Đường loại 4 – Vị trí 4	210.000	3.042.000	14,4871
1.1	Đường loại 4 – Vị trí 5	180.000	2.504.000	13,9134
III	Giá đất nông nghiệp xác định theo đường Hẻm 58 Nguyễn Gia Thiều (đường loại 4)			
1	Thời điểm định giá đất tháng 7/2019 và tháng 08/2019			

1.1	Đường loại 4 – Vị trí 1	263.000	6.315.000	24,0114
1.2	Đường loại 4 – Vị trí 2	237.000	4.421.000	18,6519
1.3	Đường loại 4 – Vị trí 3	210.000	3.625.000	17,2610
1.4	Đường loại 4 – Vị trí 4	184.000	2.972.000	16,1541
1.5	Đường loại 4 – Vị trí 5	158.000	2.459.000	15,5642
2	Thời điểm định giá đất tháng 06/2018, tháng 8/2018 và tháng 12/2018			
2.1	Đường loại 4 – Vị trí 1	158.000	4.976.000	31,4954
2.2	Đường loại 4 – Vị trí 2	158.000	3.486.000	22,0632
2.3	Đường loại 4 – Vị trí 3	158.000	2.859.000	18,0918
2.4	Đường loại 4 – Vị trí 4	158.000	2.344.000	14,8353
2.5	Đường loại 4 – Vị trí 5	158.000	1.922.000	12,1671
3	Thời điểm định giá đất tháng 8/2017, tháng 10/2017 và tháng 12/2017			
3.1	Đường loại 4 – Vị trí 1	158.000	3.448.000	21,8250
3.2	Đường loại 4 – Vị trí 2	158.000	2.414.000	15,2775
3.3	Đường loại 4 – Vị trí 4	158.000	1.631.000	10,3251
3.4	Đường loại 4 – Vị trí 5	158.000	1.338.000	8,4666

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; các Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế; Chi Cục trưởng Chi Cục thuế Vũng Tàu – Côn Đảo, Chủ tịch UBND Phường 12, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vũng Tàu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh BR-VT (b/c);
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TTr.UBND thành phố Vũng Tàu;
- Trang thông tin điện tử UBND TPVT (đăng tải công khai);
- Lưu : VT, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Vũ Thanh